

## KHẢO NGHIỆM CÁC GIỐNG XÀ LÁCH NHẬP NỘI VÀ KỸ THUẬT BÓN PHÂN CHO GIỐNG XÀ LÁCH TRIỂN VỌNG

Trịnh Khắc Quang<sup>1</sup>, Tô Thị Thu Hà<sup>2</sup>, Phạm Thị Minh Huệ<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

Hiện nay, nhu cầu rau xà lách của Việt Nam ngày càng tăng cao về chủng loại và số lượng. Tuy nhiên, nguồn giống rau xà lách của Việt Nam chưa nhiều và chủ yếu là các giống địa phương có năng suất thấp, trồng được trong thời điểm nhất định trong năm. Kỹ thuật canh tác rau còn tự phát, chưa có quy trình sản xuất xà lách đạt năng suất, chất lượng cao và an toàn. Viện Nghiên cứu Rau quả phối hợp với Tổng cục Phát triển Nông thôn Hàn Quốc đã thực hiện dự án “Phát triển hệ thống canh tác rau” (KOPIA) tại Việt Nam từ năm 2009, trong đó có các thử nghiệm đánh giá giống và kỹ thuật canh tác xà lách. Các giống xà lách được khảo nghiệm, đánh giá tính thích ứng trong vụ xuân hè 2013. Giống xà lách Ha Cheong thể hiện nhiều đặc tính tốt: lá xanh nhạt, bản lá to, dày, ăn giòn ngọt, khả năng chịu nhiệt tốt và cho năng suất cao 18,2 tấn/ha. Giống Ha Choeng được chọn lựa từ thí nghiệm này đã được sử dụng để đánh giá ảnh hưởng của mức bón đạm và kali trong vụ thu đông 2013. Kết quả cho thấy mức bón cho 1 ha là 15 tấn phân chuồng, 30 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, 70 kg N và 50-70 kg K<sub>2</sub>O cho năng suất cao nhất 24 tấn/ha và chất lượng đảm bảo an toàn với hàm lượng NO<sub>3</sub><sup>-</sup> lần lượt là 1167 và 1380 mg/kg, thấp hơn so với mức giới hạn cho phép, 1500 mg/kg.

**Từ khóa:** Đánh giá giống xà lách, kỹ thuật bón phân, giống xà lách Hàn Quốc.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xà lách thuộc họ Cúc *Asteraceae*, chi *Lactuca*, loài *L. Sativa*. là loại rau quan trọng đối với nhiều nước đặc biệt là các nước ôn đới, tuy nhiên nó cũng chiếm một vị trí quan trọng ở các nước nhiệt đới và á nhiệt đới. Xà lách chiếm diện tích lớn trong các loại rau ăn sống, là cây ăn lá, dễ trồng, thời gian sinh trưởng ngắn nên góp phần rải vụ và trồng được nhiều vụ trong năm.

Xà lách là loại rau giàu chất khoáng: Canxi, sắt, giàu protein, vitamin C. Xà lách có tác dụng như thuốc an thần, làm lợi tiểu.

Trong chương trình hợp tác nông nghiệp quốc tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc, nhiều giống xà lách của Hàn Quốc đã được đánh giá tại Viện Nghiên cứu Rau Quả và cho kết quả rất tốt.

### 2. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Vật liệu nghiên cứu

- 7 giống xà lách Hàn Quốc: Ha Cheong, Go Pung, Choon Pung, Jang Su, Chung Chi Ma, Heuk Ssam Chi Ma, Ice Berg.

- 1 giống xà lách của Việt Nam: xà lách Đăm.

#### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu

Các thí nghiệm ngoài đồng ruộng được tiến hành tại Viện Nghiên cứu Rau quả, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

- Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3/2013 đến tháng 12/2013.

#### 2.3. Nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu các đặc điểm nông sinh học của các giống rau xà lách nhập nội.

- Nghiên cứu ảnh hưởng của bón phân đạm và kali tới năng suất và chất lượng của giống xà lách triển vọng.

#### 2.4. Phương pháp nghiên cứu

- Diện tích mỗi ô thí nghiệm là: 7 m<sup>2</sup>.

- Mật độ: 75.000 cây/ha. Hàng cách hàng 30 cm, cây cách cây 30 cm.

- Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn toàn (RCBD).

- Thí nghiệm 1. Nghiên cứu các đặc điểm nông sinh học của các giống rau xà lách nhập nội.

LE1. Giống Ha Cheong.

LE2. Giống Go Pung.

LE3. Giống Choon Pung.

LE4. Giống Jang Su.

LE5. Giống Chung Chi Ma.

LE6. Giống Heuk Ssam Chi Ma.

LE7. Giống Ice Berg.

LE 8(Đ/C) Xà lách Đăm Việt Nam.

- Thí nghiệm 2. Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức bón đạm và kali khác nhau tới năng suất giống xà lách triển vọng.

Thí nghiệm gồm 6 công thức, 3 lần nhắc lại:

Nền: 15 tấn phân chuồng hoai mục + 30 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>.

<sup>1</sup> Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

<sup>2</sup> Viện Nghiên cứu Rau quả

CT1: nền + 30 kg N + 50 kg K<sub>2</sub>O.  
 CT2: nền + 30 kg N + 70 kg K<sub>2</sub>O.  
 CT3: nền + 50 kg N + 50 kg K<sub>2</sub>O.  
 CT4: nền + 50 kg N + 70 kg K<sub>2</sub>O.  
 CT5: nền + 70 kg N + 50 kg K<sub>2</sub>O.  
 CT6: nền + 70 kg N + 70 kg K<sub>2</sub>O.

Phân chuồng, phân lân bón lót toàn bộ.

Phân đạm và kali được chia ra bón làm 3 thời kỳ: 1/3 bón lót, 1/3 thời kỳ cây hồi xanh (sau trồng 10 ngày), 1/3 thời kỳ cây bắt đầu trái lá (sau trồng 20 ngày).

Các loại phân này bón đồng đều về cách bón, thời gian bón ở các công thức thí nghiệm.

**3.5. Phương pháp phân tích số liệu**

Số liệu được tính toán và xử lý bằng phần mềm Excel, IRRISTAT 5.0.

**3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**3.1. Khảo nghiệm một số giống xà lách trong vụ xuân hè 2013**

*3.1.1 Thời gian sinh trưởng của các giống xà lách vụ xuân hè 2013*

Xà lách là cây ăn lá nên phụ thuộc vào vào sinh trưởng và khả năng tạo sinh khối của thân lá. Điều này phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận và tích lũy chất khô trong suốt thời gian sinh trưởng. Thời gian sinh trưởng của xà lách không những chịu ảnh hưởng của mùa vụ, thời tiết và điều kiện canh tác, mà còn phụ thuộc vào đặc điểm di truyền của giống, các giống khác nhau thì khả năng sinh trưởng cũng khác nhau. Thời gian sinh trưởng của các giống xà lách được trình bày bảng 1

**Bảng 1. Thời gian sinh trưởng của các giống xà lách vụ xuân hè 2013**

(Đơn vị: ngày)

Giống	Thời gian từ gieo đến nảy mầm (ngày)	Thời gian từ nảy mầm đến tía cây (khay bầu) (ngày)	Thời gian từ tía cây (khay bầu) đến trồng cây ra nhà lưới (ngày)	Thời gian trồng đến thu hoạch (ngày)	Thời gian sinh trưởng (ngày)
LE1	3	8	24	47	82
LE2	3	8	24	33	68
LE3	3	8	24	33	68
LE4	3	8	24	47	82
LE5	3	8	24	33	68
LE6	3	8	24	47	82
LE7	3	8	24	47	82
LE8 (ĐC)	3	8	24	33	68

Thời gian gieo đến mọc mầm của các giống khá đồng đều, chỉ mất 3 ngày, tuy nhiên từ khi trồng cây đến thu hoạch có sự khác biệt giữa các giống. Có 4 giống từ trồng đến thu hoạch ngắn chỉ 33 ngày là các giống LE2, LE3, LE5, LE8; các giống còn lại có thời gian từ trồng tới thu hoạch là 47 ngày. Tổng thời gian sinh trưởng có sự khác biệt giữa các giống, Các giống LE2, LE3, LE5, LE8 có thời gian sinh trưởng ngắn, chỉ 68 ngày,

trong khi đó các giống LE1, LE4, LE6, LE7 có tổng thời gian sinh trưởng 82 ngày.

*3.1.2 Đặc điểm hình thái của các giống xà lách vụ xuân hè 2013*

Quan sát đặc điểm hình thái, đặc điểm của các giống xà lách được tổng hợp và thể hiện qua bảng 2.

**Bảng 2. Đặc điểm hình thái của các giống xà lách vụ xuân hè 2013**

Giống	Thân trong	Lá	
		Màu sắc	Hình dạng
LE1	Dài	Xanh nhạt	Lá dựng, dày, giòn, xoắn, hình elip rộng, mép lá có răng cưa không đều.
LE2	Ngắn	Tím đậm	Lá dựng, dày, giòn, xoắn, hình elip ngang, mép lá có răng cưa không đều.
LE3	Ngắn	Xanh tím viền lá tím đậm	Lá dựng, dày, xoắn, hình elip ngang, mép lá có răng cưa không đều.
LE4	Ngắn	Xanh tím viền lá non tím đậm	Lá dựng, mỏng, xoắn, hình elip, mép lá có răng cưa không đều.
LE5	Ngắn	Xanh	Lá dựng, dài, mỏng, hình elip, lượn sóng, mép lá có răng cưa không đều.
LE6	Dài	Tím nhạt	Lá dựng, mỏng, hình elip, lượn sóng, mép lá có răng cưa không đều.
LE7	Dài	Xanh đậm	Lá dựng, lá dày hình elip ngang, lượn sóng, mép lá có răng cưa không đều.
LE8 (ĐC)	Ngắn	Lá ngoài xanh, lá bên trong trắng	Bắp cuộn, lá mỏng hình elip ngang, lượn sóng, mép lá có răng cưa không đều.

Màu sắc của lá ở 4 giống LE2, LE3, LE4, LE6 là màu tím và 4 giống có lá màu xanh là LE1, LE5, LE7, LE8. Trong đó 2 giống LE3, LE4 có lá viền tím đậm, giống LE2 có màu tím phủ toàn bộ lá. Các giống từ LE1 đến LE6 có lá dựng, còn LE8 có lá cuộn bắp, LE7 là giống có lá cuộn bắp nhưng trong điều kiện trồng ở Việt Nam, ở vụ xuân hè 2013 không cho bắp, lá dựng, dày và cứng.

*3.1.3. Đặc điểm khối lượng lá và kích thước lá của các giống xà lách vụ xuân hè 2013*

Xà lách là rau ăn lá, năng suất kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào bộ lá của cây. Lá càng rộng, số lá trên cây càng nhiều dẫn đến khối lượng lá càng lớn và kết quả quyết định năng suất kinh tế càng cao sau này.

**Bảng 3. Đặc điểm khối lượng lá và kích thước lá của các giống xà lách vụ xuân hè 2013**

Giống	Thân trong			Lá				Tổng khối lượng cả cây (g/cây)
	Chiều dài (cm)	Đường kính (cm)	Khối lượng (g)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)	Tổng số lá (lá/cây)	Khối lượng (g)	
LE1	22,0	2,2	43,7	23,2	19,9	28,1	279,8	321,2
LE2	11,9	1,9	20,8	16,5	18,1	19,5	111,8	133,3
LE3	12,2	2,1	30,6	17,5	17,4	19,6	104,5	131,5
LE4	7,6	1,9	16,8	20,4	12,1	27,3	106,2	123,0
LE5	12,3	2,3	24,8	25,8	15,3	31,8	221,1	245,8
LE6	15,0	2,2	17,1	23,7	12,6	29,1	158,9	176,0
LE7	20,2	1,7	27,8	17,8	12,7	22,1	115,7	143,5
LE8 (ĐC)	8,5	1,6	17,9	11,5	12,4	27,7	60,8	78,7
CV%	5,0	3,4	2,6	4,8	4,0	4,5	2,5	2,0
LSD 0,05	1,2	0,1	1,1	1,7	1,1	2,0	6,4	5,9

